TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/02/2020.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.

Các hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Văn Vỹ.
Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2019/TLST- HNGĐ ngày 27-12-2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-02-2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ka T; sinh năm 1994.
Địa chỉ: Số 70 thôn 2, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông K' N; sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số 07 thôn 2, xã T, huyện Dh, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà Ka T trình bày: Bà và ông N tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 12/2017 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ka T, sinh ngày 07-5-2015. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản nợ chung và tài sản

cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, ông K' N trình bày: Công nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông chỉ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 200.000đ. vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,53,55, 81, 82, 83, 84 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông N; giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 200.000đ; Bà T, ông N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Châu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 10/2017 đến nay đã sống ly thân. Cả hai cùng xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên cùng thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông N là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ka T, sinh ngày 07-5-2015, khi ly hôn cả hai bên cùng thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các bên có tranh chấp, tại phiên tòa hôm nay, bà T thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con, ông N vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 200.000đ. Xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng con của các bên. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao con chung tên Ka T, sinh ngày 07-5-2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 200.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

[3] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; tài sản cho vay chung và

nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, ông N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka T và ông K' N thuận tình ly hôn.

2) Về con chung: Giao con chung tên Ka T, sinh ngày 07-5-2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 200.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3) Về án phí: Bà T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014574 ngày 27-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.(bà T đã nộp đủ án phí).

Ông N chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS Di Linh;
- UBND xã Tân Châu;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đới Văn Học